

Bản án số: 68/2018/DS-PT

Ngày: 17-01-2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Các Thẩm phán: 1 Ông Trịnh Đắc Phú
 2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 và ngày 17 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 589/DSPT ngày 06/11/2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” do Bản án dân sự sơ thẩm số 932/DS-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2940/2017/QĐXX-PT ngày 07 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7101/QĐ-PT ngày 22/12/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bích M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số 101/118B Ấp 4, xã C, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N sinh năm 1968.

(Theo giấy ủy quyền số công chứng 020049, ngày 19/12/2017 tại Văn phòng công chứng V, Thành phố Hồ Chí Minh).

Địa chỉ: 31 Đường B, Phường N, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn B, sinh năm 1965.

Bà Triệu Thanh V, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: số 101/12/12 Ấp 4, xã C, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng: Ông Trần C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: số 985/50 Đường L, Phường K, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt; người làm chứng vắng mặt ngày 17/01/2018.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện X, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Trần Hùng X trình bày:

Vào năm 2012, bà M có nhận chuyển nhượng một phần diện tích nhà đất từ bà Đỗ Thị L (Phần nhà đất này bà L nhận chuyển nhượng từ ông B và bà V). Sau khi nhận chuyển nhượng bà L đã giao cho bà M toàn bộ giấy tờ liên quan đến phần đất nhận chuyển nhượng và bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bà M có nhu cầu hợp thức hóa phần nhà đất trên nên bà M đã ký “Giấy nhận tiền làm sổ hồng” với ông Phan Văn B và bà Triệu Thanh V; ông B và bà V nhận làm sổ hồng cho bà M với số tiền là 115.000.000 đồng với thời gian là 90 ngày không kể thứ 7 và chủ nhật. Ngày 22/4/2012 bà V và ông B đã nhận số tiền 40.000.000 đồng, ngày 17/5/2012 nhận thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà V và ông B đã nhận của bà M là 50.000.000 đồng.

Quá trình làm sổ bà V và ông B có yêu cầu bà M giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho bà V và ông B để bà V ông B đi làm giấy tờ nhưng bà M không đồng ý do không tin tưởng, bà M chỉ đồng ý đi theo bà V ông B và giao bản chính cho cơ quan có thẩm quyền, nhưng bà V và ông B không đồng ý. Đến quá hạn 90 ngày, bà V và ông B không làm xong giấy tờ và cũng không trả tiền lại cho bà M; bà M có đến nhà trao đổi miệng về việc yêu cầu bà V và ông B trả lại tiền nhưng bà V và ông B không đồng ý. Bà M đã tiến hành nhờ ông Trần C làm dịch vụ hợp thức hóa giấy tờ nhà đất và đã được cấp giấy chứng nhận. Hiện tại bà M vẫn còn giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B và bà V.

Nay bà M yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà V phải trả cho bà M số tiền 50.000.000 đồng. Bà M xin rút phần yêu cầu tính tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước kể từ thời điểm tháng 4/2012 cho đến khi xét xử. Trả ngay một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện X, bà Triệu Thanh V trình bày:

Ngày 22/4/2012, Bà V và chồng là ông Phan Văn B có ký giấy nhận tiền tạm ứng làm sổ hồng để nhận làm dịch vụ hợp thức hóa nhà đất cho bà Huỳnh Thị Bích M. Ngày 22/4/2012, bà V và ông B đã nhận số tiền 40.000.000 đồng, ngày 17/5/2012 nhận thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng bà V và ông B đã nhận của bà M là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên bà V không thực hiện được việc làm sổ hồng do bà M không giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền 50.000.000 đồng bà M giao ông B và bà V đã sử dụng hết hiện tại rất khó khăn nên bà V không đồng ý trả lại tiền cho bà M do không có lỗi vi phạm hợp đồng.

Theo các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện X, ông Phan Văn B trình bày: Ngày 22/4/2012, ông B và vợ là bà Triệu Thanh V có ký giấy nhận tiền tạm ứng làm sổ hồng để nhận làm dịch vụ hợp thức hóa nhà đất cho bà Huỳnh Thị Bích M. Ngày 22/4/2012, ông B và bà V đã nhận số tiền 40.000.000 đồng, ngày 17/5/2012 nhận thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng ông B và bà V đã nhận của bà M là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên ông B và bà V không thực hiện được việc làm sổ hồng do bà M không giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số tiền 50.000.000 đồng bà M giao ông B và bà V đã sử dụng hết, hiện tại rất khó khăn nên ông B không đồng ý trả lại tiền cho bà M do không có lỗi vi phạm hợp đồng.

Theo các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện X, Ông Trần C trình bày: Năm 2015, ông C có nhận làm dịch vụ hợp thức hóa giấy tờ nhà đất cho bà Huỳnh Thị Bích M, ông C nhận làm đại diện theo ủy quyền của bà M đứng ra thỏa thuận với các bên có liên quan để làm thủ tục giấy tờ nhà đất cho bà M. Ngày 22/9/2015 ông C và ông B, bà V có ký giấy thỏa thuận về việc làm dịch vụ sau khi xong việc ông C sẽ giao cho ông B và bà V số tiền 30.000.000 đồng. Số tiền này ông C trực tiếp đưa cho ông B, bà V là để ông B, bà V thực hiện theo cam kết theo thỏa thuận. Ông C và ông B, bà V đã thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ ghi trong giấy thỏa thuận ngày 22/9/2015 và không thắc mắc khiếu nại gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 932/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 518, 520 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích M về việc yêu cầu Tòa án buộc ông B và bà V phải trả cho bà M số tiền 50.000.000 đồng.

Đình chỉ phần yêu cầu trả tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước kể từ thời điểm tháng 4/2012 cho đến khi xét xử của bà Huỳnh Thị Bích M.

Án phí dân sự sơ thẩm 2.500.000 đồng bà Huỳnh Thị Bích M phải chịu nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0030862 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Bà M còn phải nộp thêm số tiền 1.250.000 đồng.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 03/10/2017, nguyên đơn – ông Trần Hùng X có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M do ông Nguyễn Văn N là đại diện theo ủy quyền xác định bà M đồng ý với đơn kháng cáo ngày 03/10/2017 do ông Trần Hùng X là đại diện theo ủy quyền của bà M tại thời điểm đã làm và nộp cho Tòa án; bà M không rút đơn khởi kiện, không rút yêu cầu đã kháng cáo.

Người kháng cáo, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M do ông Nguyễn Văn N đại diện theo ủy quyền trình bày cho rằng: Do vào ngày 22/4/2012, vợ chồng bị đơn bà Triệu Thanh V - ông Phan Văn B có ký “Giấy nhận tiền sổ hồng” với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M (ký tay, không có chứng thực); nội dung: ông B và bà V thỏa thuận nhận làm “sổ hồng” (giấy chứng nhận sở hữu nhà đất) cho bà M với số tiền chi phí là 115.000.000 đồng, thời gian làm là 90 ngày không kể thứ 7 và chủ nhật. Và bà M phải ứng trước cho ông B, bà V 40.000.000 đồng vào ngày 22/4/2012 ngay sau ký giao kết, đến khoảng 15 ngày sau bà M phải ứng tiếp cho ông B bà V 10.000.000 đồng; còn lại 65.000.000 đồng bà M sẽ giao đủ khi nhận được giấy tờ. Thực hiện thỏa thuận, bà M đã ứng cho ông B bà V hai lần tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng (lần một là 40.000.000 đồng vào ngày 22/4/2012 ngay sau ký giao kết và lần hai là 10.000.000 đồng vào ngày 17/5/2012). Các bên thỏa thuận còn có nội dung: “nếu hợp đồng có sự trở ngại không làm được thì tôi sẽ hoàn trả lại số tiền tạm ứng trên lại cho chị Mhi”. Tuy nhiên, bà V ông B đã vi phạm thỏa thuận ngày 22/4/2012 đã ký kết, không làm được giấy tờ ra tên cho bà M, bà M không giao bản chính “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” cho bà V ông B nhưng đồng ý đi cùng khi cần đối chiếu và nộp bản chính là do không tin tưởng, vì bà M nghe rằng ông B bà V sẽ giao lại cho dịch vụ khác làm và điều này được ông B thừa nhận khai tại “Biên bản lấy lời khai” ngày 26/6/2017. Hơn nữa bà V ông B không có chuyên môn hiểu biết về dịch vụ hành chính nên việc thỏa thuận lo giấy tờ cho bà M là điều không thể làm được và bà V ông B thực tế đã không làm được theo thỏa thuận đã ký kết với bà M. Ngoài ra theo “Giấy thỏa thuận” ngày 22/9/2015 giữa ông Phan Văn B bà Triệu Thanh V với ông Trần C là người sau đó được bà M nhờ làm giấy tờ nhà đất sau khi bà V, ông B không làm được, thì tại mục III về nội dung thỏa thuận - Bên A là ông B bà V có nội dung thừa nhận: “Tuy nhiên do thời gian trước khu đất bị vướng quy hoạch nên các bên không thể tách thửa hợp thức hóa nhà và chuyển nhượng theo đúng hình thức quy định của nhà nước được ...”. Nên việc bản án sơ thẩm nhận định: “Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về hồ sơ địa chính thì Hồ sơ nộp khi thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất phải có bản gốc Giấy chứng nhận đã cấp” để cho rằng lỗi không làm được giấy tờ là do bà M là có sự nhầm lẫn, vì bà M yêu cầu tách, làm giấy tờ trên đất đã có nhà, nên việc tiến hành đo vẽ là không cần bản chính “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Và ông Trần C là người được bà M nhờ sau đó đã làm được. Do đó ông N đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên thỏa thuận ngày 22/4/2012 giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M với bị đơn ông Phan Văn B, bà Triệu Thanh V là vô hiệu và buộc vợ chồng bà V ông B phải trả lại cho bà M số tiền đã nhận là 50.000.000 đồng.

Bị đơn bà Triệu Thanh V xác nhận bà và chồng là ông Phan Văn B không có kháng cáo án sơ thẩm. Bà V thừa nhận bà và chồng là ông Phan Văn B có ký

“Giấy nhận tiền sổ hồng” với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M (ký tay, không có chứng thực). Nội dung ông B và bà V thỏa thuận nhận làm “sổ hồng” nhà đất cho bà M và đã nhận của bà M số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng như ông N đại diện theo ủy quyền của bà M trình bày. Tuy nhiên việc bà V với chồng là ông B không làm được giấy theo thỏa thuận ký kết là do bà M không chịu giao bản chính “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” nên vợ chồng bà không thể tiến hành đo vẽ để thực hiện việc tách sổ sang tên cho bà M được. Do đó bà V với chồng là ông B không lỗi, hơn nữa số tiền nhận của bà M vợ chồng bà đã chi xài hết, nay hoàn cảnh bà với ông B rất khó khăn; Vì vậy bà V với chồng là ông B không đồng ý trả lại cho bà M số tiền đã nhận là 50.000.000 đồng theo yêu cầu của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận xem xét. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Bị đơn ông Phan Văn B, bà Triệu Thanh V không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc đã có thực hiện một công việc hay có bỏ ra một chi phí gì để thực hiện công việc theo “Giấy nhận tiền sổ hồng” đã ký với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M vào ngày 22/4/2012. Do đó yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và tuyên lại trách nhiệm chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn làm và nộp trong thời hạn luật định, thủ tục kháng cáo đúng theo quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét.

Đồng bị đơn ông Phan Văn B không có kháng cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt được Ủy ban nhân dân xã C, huyện X chứng thực ngày 05/01/2018, do đó Hội đồng xét xử căn cứ 296 Bộ luật tố tụng dân sự về “Hoãn phiên tòa phúc thẩm” quyết định tiếp tục xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn B và bà Triệu Thanh V trả lại cho bà M 50.000.000 đồng là số tiền đã nhận

theo “Giấy nhận tiền tạm ứng làm sổ hồng” ngày 22/4/2012. Các bên thừa nhận nội dung và việc đã ký giấy nhận tiền với mục đích vợ chồng ông B bà V nhận làm thủ tục tách thửa chuyển nhượng cho bà M được đứng tên quyền sở hữu, sử dụng đối với nhà đất bà M đã nhận chuyển nhượng. Do đó có căn cứ xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”; Bản án dân sự sơ thẩm số 932/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện X có những đoạn xác định quan hệ là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có sự nhầm lẫn, cần rút kinh nghiệm và thống nhất xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo quy định tại Điều 518 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 513 Bộ luật dân sự 2015.

[2] Xét nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M và bị đơn là vợ chồng ông Phan Văn B bà Triệu Thanh V đều thống nhất nội dung rằng: vào ngày 22/4/2012, bà V và chồng là ông B có ký “Giấy nhận tiền sổ hồng” với bà M để nhận làm công việc hợp thức hóa nhà đất cho bà M. Và nhà đất mà bà M yêu cầu ông B bà V hợp thức hóa có nguồn gốc là do bà Đỗ Thị M nhận chuyển nhượng từ ông B và bà V nhưng bà L chưa sang tên tách thửa mà chỉ được bà V ông B công chứng ủy quyền cho bà L. Đến năm 2012, bà M đã nhận chuyển nhượng lại nhà đất này từ bà Đỗ Thị L và sau khi nhận chuyển nhượng bà L đã giao cho bà M toàn bộ giấy tờ liên quan đến phần đất đã chuyển nhượng cùng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang đứng tên ông B, bà V. Bà M, bà V, ông B đều thống nhất nội dung này và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

[3] Xét tại “Giấy nhận tiền sổ hồng” ngày 22/4/2012, được ký giữa bị đơn bà Triệu Thanh V, ông Phan Văn B với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M (ký tay, không có chứng thực), trong thỏa thuận giữa các bên có nội dung: “... Còn hợp đồng có sự trở ngại không làm được thì tôi sẽ hoàn trả lại số tiền tạm ứng trên lại cho chị Mhi” (BL34). Và đến tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Triệu Thanh V cũng như ông Phan Văn B - tất cả cũng không ai cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào chứng minh cho việc đã có thực hiện một công việc hay đã có chi phí gì theo “Giấy nhận tiền sổ hồng” ngày 22/4/2012 đã giao kết với nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M. Bà V với ông B cho rằng lỗi không thực hiện được công việc theo thỏa thuận là do bà M không cung cấp bản chính “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”; trong khi bà M cho rằng việc không giao bản chính “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo yêu cầu của bà V ông B là do không tin tưởng, sợ bị thất lạc, nhưng bà M cho rằng bà M vẫn đồng ý sẵn sàng đi cùng bà V ông B để xuất trình và giao bản chính cho cơ quan có thẩm quyền khi cần. Và thực tế bà M đã có thực hiện đúng nghĩa vụ thỏa thuận bằng việc giao hai lần tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng cho ông B bà V theo giao kết tại “Giấy nhận tiền sổ hồng” ngày 22/4/2012 mà các bên đã ký kết và thừa nhận. Đồng thời theo Điều 522 của Bộ luật dân sự năm 2005 về “Nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ” tại khoản 4 đã quy định: “Báo ngay cho bên thuê dịch vụ về việc thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc” - nhưng khi bà M không giao bản chính “Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất” làm cho bà V ông B không thể thực hiện công việc (theo như bà V trình bày), thì bà V ông B cũng không có chứng cứ nào chứng minh cho việc đã có thông báo cho bà M theo quy định tại khoản 4 Điều 522 của Bộ luật dân sự năm 2005 như đã viện dẫn để làm căn cứ chấm dứt việc thỏa thuận, giao kết giữa các bên. Ngoài ra sau khi bà V, ông B không làm được giấy tờ nhà đất theo giao kết tại “Giấy nhận tiền tạm ứng sổ hồng” cho bà M, thì bà M đã ủy quyền lại cho ông Trần C làm; tại “Giấy thỏa thuận” ngày 22/9/2015 giữa ông Phan Văn B bà Triệu Thanh V với ông Trần C tại III về nội dung của thỏa thuận (thỏa thuận giữa ông Trần C với vợ chồng ông B, bà V) - phần bên A (là bên ông B bà V) trình bày có nội dung: “... Tuy nhiên, do thời gian trước khu đất bị vướng quy hoạch cây xanh nên các bên không thể tách thửa hợp thức hóa nhà và chuyển nhượng theo đúng hình thức quy định của nhà nước được ...”; sau đó tiếp theo mặt sau giấy thỏa thuận, cũng ở phần nội dung có đoạn: “Nay khu đất này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xóa quy hoạch treo, bà Huỳnh Thị Bích E và Huỳnh Thị Bích M có nhu cầu làm giấy tờ xin hợp thức hóa hai căn nhà đang sử dụng. Ngày 6/8/2015, gia đình bà Huỳnh Thị Bích M có ra Phòng Công chứng D lập giấy ủy quyền cho ông Trần C (Bên B) làm các thủ tục cần thiết, liên hệ với các bên liên quan, ...” (BL33). Như vậy, xét cấp sơ thẩm cho rằng: “Việc bà M không giao bản gốc Giấy chứng nhận cho ông B, bà V là cản trở việc thực hiện hợp đồng của ông B, bà V do đó ông B, bà V không có lỗi khi vi phạm hợp đồng dịch vụ đã ký kết” và tuyên xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa phù hợp với quá trình thực hiện thỏa thuận ký kết của các bên cũng như những chứng cứ như đã phân tích.

[4] Từ những nhận định và phân tích trên, xét Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M về việc yêu cầu ông Phan Văn B và bà Triệu Thanh V trả lại cho bà M số tiền đã nhận là 50.000.000 đồng là chưa xem xét đánh giá toàn diện nội dung các tài liệu, chứng cứ cũng như quá trình thực hiện sự thỏa thuận theo “Giấy nhận tiền sổ hồng” ngày 22/4/2012 mà bà M kết với vợ chồng ông B bà V. Do đó cấp phúc thẩm xét có căn cứ sửa bản án sơ thẩm - chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Bích M do ông Nguyễn Văn N đại diện theo ủy quyền đề nghị, cũng như ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp.

Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm, yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Huỳnh Thị Bích M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm; bà M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp và ông Phan Văn B, bà Triệu Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 518, 520 Bộ luật dân sự năm 2005; Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 932/2017/DSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Bích M về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Phan Văn B và bà Triệu Thanh V phải trả cho bà M số tiền là 50.000.000 đồng.

Buộc ông Phan Văn B và bà Triệu Thanh V phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Bích M số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với phần yêu cầu trả tiền lãi suất theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước kể từ thời điểm tháng 4/2012 cho đến khi xét xử của bà Huỳnh Thị Bích M.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Huỳnh Thị Bích M có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phan Văn B và bà Triệu Thanh V còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 358 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Bích M không phải chịu; bà M được nhận lại 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) là số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số: AA/2016/ 0030862 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Phan Văn B và bà Triệu Thanh V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm Bà Huỳnh Thị Bích M không phải chịu; bà M được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) là số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo “Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án” số: AA/2016/ 0032652 ngày 3/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu khởi kiện thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Chi cục THADS huyện X;
- TAND huyện X;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Thịnh